

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 197/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28 - 12 - 2022.

V/v ly hôn giữa anh T và chị L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ứng.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự.

* Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T - Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Ấp K, xã V, tp B, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/5/2022 cũng như lời khai của nguyên đơn là anh Ngô Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị L vào tháng 01/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng ly thân từ năm 2014, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Về con chung anh T xác định vợ chồng có

02 con chung cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Ngô Hoàng L, sinh ngày 23/4/2011. Kể từ khi vợ chồng ly thân hai con chung đều do anh trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản chung anh T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị L vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt). Lời khai của chị L tại các buổi làm việc với Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu tỉnh Bạc Liêu thể hiện: Chị xác định việc anh T khai về việc kết hôn giữa anh với chị là đúng, vợ chồng được UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp đăng ký kết hôn vào tháng 01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2012. Nay anh T có đơn xin ly hôn quan điểm của chị cũng nhất trí ly hôn. Về con chung chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Ngô Hoàng L, sinh ngày 23/4/2011. Kể từ khi vợ chồng ly thân hai con chung đều do anh T nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn anh T xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị đóng góp cấp dưỡng nuôi con thì chị cũng nhất trí. Về tài sản chung và công nợ chung chị L xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Trần Thị L; Về con chung: Giao cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Ngô Hoàng L, sinh ngày 23/4/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị L hiện cư trú tại Ấp K, xã V, tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn của chị với anh Ngô Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa chị L vắng mặt nhưng chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Ngô Văn T và chị Trần Thị L vào tháng 01/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng anh T chị L sống ly thân nhau từ năm 2014. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, phía chị L cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được lên cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Ngô Văn T và chị Trần Thị L đều thống nhất xác định vợ chồng 02 con chung là cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Ngô Hoàng L, sinh ngày 23/4/2011 (Hiện hai con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng). Vợ chồng ly hôn anh T xin trực tiếp nuôi hai con chung và anh không yêu cầu chị L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Phía chị L cũng nhất trí như quan điểm đề nghị của anh T. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của chị L và anh T thấy là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội không vi phạm điều cấm của pháp luật. Mặt khác cháu T và cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bố nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh Ngô Văn T và chị Trần Thị L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Ngô Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Trần Thị L.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Ngô Hoàng L, sinh ngày 23/4/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm anh Ngô Văn T phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0000721 ngày 02/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương